TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1747**/2026/DS-ST
Ngày: 04/05/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Hồng Hạnh;

2. Bà Kiều Thị Thanh Nguyên.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Mai Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Thúy Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1822/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2026/QĐXXST-DS ngày 09/03/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2026/QĐST-DS ngày 03/04/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng H; Trụ sở: 266-268 N, phường X, thành phố H; Người đại diện theo ủy quyền: bà V T Q D, sinh năm 1989, CCCD số 051189014804 (Giấy ủy quyền số 4665/2025/UQ-TT.XLN, ngày 06/10/2025 – bà V T Q D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: bà C M H, sinh năm 1972, CCCD số 079172010030; Thường trú: 173/44/15/22 A D V, phường A, thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 24/02/2023 bà C M H đã ký với Ngân hàng H (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng – các tài liệu này sau đây gọi chung là hợp đồng). Ngân hàng đã

cấp thẻ tín dụng VS PayWave Cre Classic số 472074-7327, hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 2,77%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn (4.155%/tháng) cho bà C M H.

Sau khi được cấp thẻ, bà C M H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 4.738.629 đồng và thanh toán đến ngày 10/01/2024 được tổng số tiền là 5.083.884 đồng.

Bắt đầu từ kỳ thanh toán ngày 10/02/2024 bà C M H không thanh toán nên đến ngày 24/04/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 351.772 đồng làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Tính đến ngày 04/05/2026, thẻ tín dụng VS PayWave Cre Classic số 472074-7327 của bà C M H còn nợ tổng số tiền là 716.688 đồng, gồm: nợ gốc 351.772 đồng; lãi quá hạn: 364.916 đồng.

Ngoài ra, bà C M H còn đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay 02 (hai) khoản như sau:

- Ngày 04/03/2023, bà C M H đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay, số tiền giải ngân là 18.000.000 đồng vào tài khoản số 3871240713 (Số thẻ 211251 – 8636), lãi suất góp đều là 1,4%/tháng tương đương lãi suất giảm dần theo tháng là 2,52%/tháng. Sau khi được giải ngân bà C M H thanh toán đến ngày 25/11/2023 được tổng số tiền là 20.280.800 đồng. Bắt đầu từ kỳ thanh toán ngày 25/12/2023 bà C M H không thanh toán nên đến ngày 25/03/2024 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ 194.000 đồng thành nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn 3,78%/tháng (150% x 2,52).

Tính đến ngày 04/05/2026, khoản vay Sacombank Pay giải ngân vào tài khoản số 3871240713 (Số thẻ 211251 – 8636) của bà C M H còn nợ tổng số tiền là 381.880 đồng, gồm: nợ gốc 194.000 đồng; lãi quá hạn 187.880 đồng.

- Ngày 31/10/2023, bà C M H đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay, số tiền giải ngân là 19.000.000 đồng vào tài khoản số 3932767407 (Số thẻ 211251 – 8898), lãi suất góp đều là 1,4%/tháng tương đương lãi suất giảm dần theo tháng là 2,52%/tháng. Sau khi được giải ngân bà C M H thanh toán đến ngày 25/12/2023 được số tiền là 2.377.112 đồng. Bắt đầu từ kỳ thanh toán ngày 25/01/2024 bà C M H không thanh toán nên đến ngày 25/04/2024 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ 18.538.888 đồng thành nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn 3,78%/tháng (150% x 2,52).

Tính đến ngày 04/05/2026, khoản vay Sacombank Pay giải ngân vào tài khoản số 3932767407 (Số thẻ 211251 – 8898) của bà C M H còn nợ tổng số tiền là 35.824.548 đồng, gồm: nợ gốc 18.538.888 đồng; lãi quá hạn 17.285.660 đồng.

Nay Ngân hàng H yêu cầu bà C M H phải trả các khoản tính đến ngày 04/05/2026 như sau:

1. Thẻ tín dụng VS PayWave Cre Classic số 472074-7327: tổng số tiền nợ là 716.688 đồng, gồm: nợ gốc 351.772 đồng; lãi quá hạn: 364.916 đồng.

2. Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay giải ngân vào tài khoản số 3871240713 (Số thẻ 211251 – 8636): 381.880 đồng, gồm: nợ gốc 194.000 đồng; lãi quá hạn 187.880 đồng.

3. Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay giải ngân vào tài khoản số 3932767407 (Số thẻ 211251 – 8898): 35.824.548 đồng, gồm: nợ gốc 18.538.888 đồng; lãi quá hạn 17.285.660 đồng.

4. Bà C M H phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của thẻ tín dụng VS PayWave Cre Classic số 472074-7327; Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay giải ngân qua tài khoản số 3871240713 (Số thẻ 211251 – 8636) và Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay giải ngân qua tài khoản số 3932767407 (Số thẻ 211251 – 8898) phát sinh từ ngày 05/05/2026 cho đến ngày trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Trước khi mở phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn là bà C M H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa; cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, khoản 2 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Tòa án có tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ do đó vụ án thuộc trường hợp phải gửi hồ sơ để Viện Kiểm sát nhân dân nghiên cứu và tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu tham gia phiên tòa đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ địa chỉ cư trú của bị đơn ghi trong hợp đồng đã được xác minh xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35 và 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tố tụng quy định tại các điều 196, 204, 205, 208, 209, 210 và 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các văn bản tố tụng của Tòa án được tống đạt hợp lệ cho đương sự theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: bà C M H có 03 (ba) khoản vay với Ngân hàng H và đều vi phạm nghĩa vụ thanh toán, căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1. 1] Tranh chấp giữa Ngân hàng H (sau đây gọi tắt là Ngân hàng/nguyên đơn) và bà C M H (bị đơn) là tranh chấp dân sự phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng và các khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay mà hai bên đã ký.

[1. 2] Ngân hàng H có tư cách pháp nhân, hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bà C M H có đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản, tuân theo quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[1. 3] Do cá nhân bà C M H giao dịch với Ngân hàng, Ngân hàng chỉ khởi kiện yêu cầu bà C M H trả tiền. Bà C M H cũng không có yêu cầu gì trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa chồng bà C M H (nếu có) vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cũng không xem xét trách nhiệm liên đới giữa bà C M H và chồng bà C M H (nếu có) để trả nợ cho Ngân hàng do không có đương sự nào yêu cầu.

[1. 4] Địa chỉ của bị đơn được ghi trong hợp đồng với nguyên đơn là: 173/44/15/22 A D V, phường A, thành phố H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của bị đơn, kết quả: công dân C M H có hộ khẩu thường trú và hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ nêu trên. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Toà án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà V T Q D (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là bà C M H vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3. 1] Bị đơn là bà C M H đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

[3. 2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy: bà C M H có 03 (ba) khoản nợ với Ngân hàng H, gồm: Thẻ tín dụng VS PayWave Cre Classic số 472074-7327; Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay tài khoản số 3871240713 (Số thẻ 211251 – 8636) và Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay tài khoản số 3932767407 (Số thẻ 211251 – 8898).

[3. 3] Căn cứ các bản bản tóm tắt sao kê, thấy rằng, sau khi được cấp thẻ tín dụng và giải ngân các khoản vay, bà C M H đã thực hiện được một phần nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Sau đó do bà C M H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm vi phạm thành nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận giữa hai bên, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5. 1] Ngân hàng H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[5. 2] Bà C M H phải nộp án phí tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H đối với bà C M H liên quan đến Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký ngày 24/02/2023; Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay ngày 04/03/2023, giải ngân vào tài khoản số 3871240713 (Số thẻ 211251 – 8636) và Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay ngày 31/10/2023, giải ngân vào tài khoản số 3932767407 (Số thẻ 211251 – 8898).

Bà C M H phải trả cho Ngân hàng H tổng số tiền tính đến ngày 04/5/2026 là 36.923.116 (ba mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, một trăm mười sáu) đồng, gồm các khoản sau đây:

1. 1. Khoản nợ của thẻ tín dụng VS PayWave Cre Classic số 472074-7327 là: 716.688 (bảy trăm mười sáu nghìn, sáu trăm tám mươi tám) đồng, gồm: nợ gốc 351.772 (ba trăm năm mươi mốt nghìn, bảy trăm bảy mươi hai) đồng; lãi quá hạn: 364.916 (ba trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm mười sáu) đồng.

1. 2. Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay ngày 04/03/2023, tài khoản số 3871240713 (Số thẻ 211251 – 8636): 381.880 (ba trăm tám mươi mốt nghìn, tám trăm tám mươi) đồng, gồm: nợ gốc 194.000 (một trăm chín mươi bốn nghìn) đồng; lãi quá hạn 187.880 (một trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm tám mươi) đồng.

1. 3. Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay ngày 31/10/2023, tài khoản số 3932767407 (Số thẻ 211251 – 8898): 35.824.548 (ba mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi tám) đồng, gồm: nợ gốc 18.538.888 (mười tám triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm tám

mươi tám) đồng; lãi quá hạn 17.285.660 (mười bảy triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi) đồng.

1. 4. Bà C M H phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của thẻ tín dụng VS PayWave Cre Classic số 472074-7327; Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay giải ngân qua tài khoản số 3871240713 (Số thẻ 211251 – 8636) và Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay giải ngân qua tài khoản số 3932767407 (Số thẻ 211251 – 8898) phát sinh từ ngày 05/05/2026 cho đến ngày trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3. 1. Hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền tạm ứng án phí là 789.981 (bảy trăm tám mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi mốt) đồng theo biên lai số 0035935 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. 2. Bà C M H phải nộp 1.846.156 (một triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm năm mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV9, Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên